

*Căn cứ mức trượt giá từ năm 1994 đến nay;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Từ năm 1997 các tổ chức và cá nhân kinh doanh nộp thuế môn bài theo các mức sau: 850.000 đồng, 550.000 đồng, 325.000 đồng, 165.000 đồng, 60.000 đồng, 25.000 đồng. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể căn cứ tính thuế môn bài theo các mức trên.

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, thay thế các mức thuế môn bài quy định tại Nghị định số 180-CP ngày 7-11-1994 của Chính phủ.

Điều 3.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 55-CP ngày 1-10-1996 về hoạt động của tàu quân sự nước ngoài vào thăm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ vào Bộ Luật Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ vào Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Nghị định này quy định các hoạt động của tàu quân sự nước ngoài và các thành viên trên tàu trong thời gian vào thăm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2.- Tàu quân sự là các tàu thuộc lực lượng vũ trang của một quốc gia hoặc tổ chức quân sự, mang dấu hiệu bên ngoài đặc trưng của tàu quân sự thuộc quốc tịch nước đó hoặc tổ chức quân sự do một sĩ quan hải quân phục vụ quốc gia, tổ chức đó chỉ huy. Người chỉ huy (thuyền trưởng) đó phải có tên trong danh sách các sĩ quan hay trong một tài liệu tương đương và đoàn thủy thủ phải tuân theo các điều lệnh kỷ luật quân sự.

Điều 3.- Các thuật ngữ trong Nghị định này được hiểu là:

1. Cảng bao gồm:

- Cảng biển được mở ra theo Bộ Luật Hàng hải Việt Nam để tàu biển ra vào hoạt động.

- Cảng quân sự là cảng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam quản lý và hoạt động theo Quy chế Cảng quân sự.

2. Hoạt động của tàu quân sự bao gồm: Ra, vào, trú đậu và làm các công việc khác trong thời gian đến thăm và neo đậu tại cảng.

3. Thành viên trên tàu quân sự là Trưởng đoàn (nếu có), Thuyền trưởng, thủy thủ và những người khác cùng đi trên tàu.

Điều 4.- Tàu quân sự nước ngoài vào thăm và hoạt động tại các cảng Việt Nam phải tôn trọng độc lập chủ quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định của Nghị định này và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia; đồng thời phải tuân theo sự hướng dẫn của các lực lượng quản lý chuyên ngành tại cảng.

Chương II

QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU QUÂN SỰ NƯỚC NGOÀI TẠI CẢNG VIỆT NAM

Điều 5.- Tàu quân sự nước ngoài vào cảng Việt Nam để thực hiện các chuyến thăm gồm:

1. Thăm chính thức theo lời mời của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, để tăng cường quan hệ hữu nghị giữa hai Nhà nước do nguyên thủ quốc gia đi bằng tàu quân sự vào cảng Việt Nam.

2. Thăm xã giao nhằm mục đích tăng cường quan hệ hữu nghị giữa nhân dân và lực lượng quân đội hai quốc gia.

3. Thăm thông thường nhằm phối hợp huấn luyện, diễn tập, cung cấp vật liệu kỹ thuật, tiếp nhiên liệu, lương thực, thực phẩm hoặc cho thủy thủ được nghỉ ngơi.

Điều 6.-

1. Tàu quân sự nước ngoài đến thăm phải được phép của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ khi có thủ tục khác quy định trong Hiệp định mà Chính phủ Việt Nam đã ký kết với quốc gia có tàu.

2. Việc xin phép vào thăm của tàu quân sự (trừ tàu thăm chính thức) thực hiện qua đường ngoại giao chậm nhất là 30 ngày trước ngày dự kiến tàu vào cảng (trừ khi có thủ tục khác đã được quy định trong Hiệp định hoặc thỏa thuận giữa hai Chính phủ). Trong tờ khai xin phép cho tàu quân sự vào thăm Việt Nam phải ghi rõ:

- Tên tàu, loại tàu, số tàu, thông số kỹ thuật của tàu.
- Hình thức thăm (chính thức - thăm xã giao - thông thường).
- Cảng đến thăm.
- Thời gian đến cảng, thời hạn trú đậu.
- Tên, cấp bậc, chức vụ của thuyền trưởng đi trên tàu.
- Quân số của mỗi tàu về sĩ quan, hạ sĩ quan và những người cùng đi trên tàu.
- Số lượng người có quốc tịch khác với quốc tịch tàu ở trên tàu.
- Thiết bị thông tin, tần số liên lạc đăng ký sử dụng trong thời gian vào thăm và hoạt động tại cảng.
- Đề nghị tiếp tế nhiên liệu, chương trình hoạt động và những yêu cầu khác của đoàn.

3. Sau khi được phép vào thăm, 48 giờ trước khi vào lãnh hải Việt Nam, thuyền trưởng tàu quân sự nước ngoài phải thông báo cho Bộ Quốc phòng Việt Nam (Cục Đối ngoại) để tổ chức đón

tiếp. Trường hợp trên tàu có sự thay đổi về nội dung đã ghi trong tờ khai nêu ở Khoản 2, Điều 6 trên đây, thuyền trưởng phải báo cáo và xin phép qua đường ngoại giao để giải quyết trước khi tàu vào cảng.

4. Việc treo cờ của tàu quân sự nước ngoài khi đến Việt Nam thực hiện theo thỏa thuận qua đường ngoại giao giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ của quốc gia mà tàu mang quốc tịch.

Điều 7. - Khi đến lãnh hải Việt Nam để vào cảng, tàu quân sự nước ngoài phải thực hiện các quy định sau:

1. Tàu ngầm phải ở trạng thái nổi.
2. Tàu phải ghi rõ số hiệu, tên tàu.
3. Đưa toàn bộ vũ khí về tư thế quy không và ở trạng thái bảo quản.
4. Dừng lại ở vùng đón trả hoa tiêu để làm thủ tục nhập cảnh và theo hướng dẫn của cảng vụ, hoa tiêu Việt Nam.
5. Chỉ được sử dụng các thiết bị cần thiết bảo đảm cho an toàn hàng hải và tần số liên lạc đã đăng ký.
6. Đến đúng cửa khẩu cảng theo tuyến đường và hành lang quy định.

Điều 8. - Khi làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh phải xuất trình các loại giấy tờ sau:

1. Đối với tàu:
 - Giấy đăng ký hoặc chứng từ quốc tịch tàu.
 - Danh sách các thành viên trên tàu.
 - Bản kê khai về hàng hóa (nếu có).
 - Bản kê khai số lượng vũ khí, phương tiện thông tin liên lạc và các thiết bị quân sự khác trên tàu.
 - Chương trình hoạt động của đoàn trong thời gian lưu tại cảng.

2. Đối với các thành viên trên tàu:
 - Hộ chiếu hoặc giấy tờ tương đương.

Điều 9. - Các hoạt động lễ tân và nghi thức trong thời gian tàu quân sự nước ngoài vào thăm phải theo đúng chương trình đã được thỏa thuận trước. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm quản lý tàu quân sự nước ngoài trong thời gian hoạt động tại cảng và phối hợp với các cơ quan liên quan để tổ chức đón tiếp.

Điều 10. - Tàu quân sự nước ngoài vào thăm Việt Nam chỉ được neo đậu tại cảng đã được thỏa thuận qua đường ngoại giao khi xin phép. Khi neo đậu tại cảng, tàu quân sự của cùng một nước không được trú đậu quá ba chiếc (3) trong cùng một thời gian và thời gian trú đậu không quá bảy ngày (7), trừ trường hợp đặc biệt được Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép.

Điều 11. - Trong thời gian neo đậu tại cảng, tàu quân sự nước ngoài phải tuân thủ Quy chế Quản lý hoạt động hàng hải tại cảng biển và các khu vực hàng hải ở Việt Nam hoặc Quy chế Cảng quân sự. Mọi hoạt động của tàu, thành viên trên tàu phải thực hiện thống nhất theo chương trình, nếu phát sinh những hoạt động khác phải được phép của nhà chức trách có thẩm quyền ở cảng.

Điều 12. - Thành viên trên tàu quân sự chỉ được đi bờ sau khi đã hoàn thành thủ tục nhập cảnh và được phép của đồn biên phòng cửa khẩu cảng hoặc theo Quy chế Cảng quân sự. Nếu mang theo hàng hóa phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về hải quan, y tế, kiểm dịch.

Khi đi bờ phải hoạt động theo đúng chương trình và nội quy đã được nhà chức trách Việt Nam thông báo.

Điều 13. - Tàu quân sự nước ngoài ra, vào, trú đậu tại cảng Việt Nam không được tiến hành các hoạt động sau:

1. Có những hoạt động nhằm chống lại độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Tiến hành các hoạt động tuyên truyền, thu thập tình báo và những hành vi khác, gây phương hại cho phòng thủ hay an ninh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Mang theo vũ khí giết người hàng loạt, các chất phóng xạ, chất độc hóa học, chất ma túy.

4. Tuyên truyền, phát tán tài liệu, sách báo, phim ảnh, văn hóa phẩm mà chưa được phép của Nhà nước Việt Nam.

5. Đưa người và hàng hóa lên hoặc xuống tàu trái với quy định của pháp luật Việt Nam về xuất, nhập cảnh, trừ trường hợp cứu người bị nạn nhưng sau đó phải thông báo ngay cho nhà chức trách Việt Nam ở cảng.

6. Phóng đi, tiếp nhận hay xếp lên tàu bất kỳ phương tiện bay hay khí tài quân sự mà chưa được phép của nhà chức trách Việt Nam.

7. Tiến hành trái phép các hoạt động nghiên cứu, đo đạc, đánh bắt hải sản, trao đổi mua bán hoặc gây nhiễu hệ thống thông tin liên lạc, cản trở giao thông vận tải, gây ô nhiễm môi trường, làm hư hại các thiết bị, công trình ở cảng.

8. Tự động di chuyển cập mạn tàu khác, đi vào khu vực cấm.

9. Quay phim, chụp ảnh, vẽ cảnh đồ ở khu vực cấm.

10. Gây mất trật tự công cộng, cản trở hoặc chống lại việc thực thi nhiệm vụ của nhà chức trách Việt Nam.

11. Có những hoạt động khác mà pháp luật Việt Nam cấm.

Chương III

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 14 - Tàu quân sự nước ngoài vi phạm các quy định trong Nghị định này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam sẽ giải quyết qua đường ngoại giao.

- thuyền trưởng tàu quân sự nước ngoài chịu trách nhiệm về những hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật của các thành viên trên tàu gây ra trong thời gian hoạt động tại cảng Việt Nam.

- Thành viên của tàu quân sự nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam sẽ căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ người được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ về ngoại giao).

Điều 15. - Thẩm quyền xử lý vi phạm thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. - Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký, những quy định trước đây đối với tàu quân sự nước ngoài vào hoạt động tại các cảng của Việt Nam trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 17. - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 18. - Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÔ VĂN KIỆT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 565-TTg ngày 22-8-1996 về quản lý quỹ dự trữ lưu thông lương thực.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Thương mại, Trưởng ban Ban Vật giá Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Quỹ dự trữ lưu thông lương thực là lượng lương thực (chủ yếu là gạo) của Nhà nước giao cho các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh lương thực có đủ điều kiện kho tàng và năng lực quản lý thực hiện dự trữ để kịp thời có nguồn lương thực can thiệp vào thị trường nhằm cân đối cung cầu, bình ổn giá cả lương thực khi cần thiết.

Điều 2.- Căn cứ tình hình sản xuất lương thực và diễn biến về lưu thông hàng hóa, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức lương thực đưa vào dự

trữ lưu thông hàng năm. Vốn để mua lương thực đưa vào dự trữ lưu thông là một phần vốn lưu động của doanh nghiệp do ngân sách Nhà nước cấp. Trường hợp do có khó khăn mà ngân sách Nhà nước chưa cấp hoặc cấp chưa đủ thì doanh nghiệp phải chủ động vay vốn ngân hàng để mua đủ số lượng lương thực được giao đưa vào dự trữ theo quy định, ngân sách Nhà nước hỗ trợ 100% lãi suất của khoản tiền vay này trong suốt thời gian doanh nghiệp thực hiện dự trữ theo quy định.

Điều 3.- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ mức lương thực dự trữ lưu thông đã được Thủ tướng Chính phủ quy định, tình hình sản xuất, lưu thông lương thực để quyết định và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ thực hiện dự trữ lưu thông cho doanh nghiệp, chỉ đạo việc xuất bán can thiệp thị trường để thực hiện mục tiêu ổn định cung cầu và bình ổn giá lương thực ở từng địa bàn cũng như trên phạm vi cả nước.

Điều 4.- Doanh nghiệp thực hiện dự trữ lưu thông được quyền quyết định việc mua, bán, luân chuyển, đổi hạt lương thực thuộc quỹ dự trữ lưu thông lương thực cùng với quá trình kinh doanh lương thực của mình để bảo quản chất lượng lương thực của quỹ dự trữ lưu thông nhưng phải tự bù đắp mọi chi phí và tự chịu trách nhiệm về tài chính, Nhà nước không bù lỗ, đồng thời phải bảo đảm đủ 100% số lượng lương thực dự trữ lưu thông trong kho ở đầu thời kỳ giáp hạt và thường xuyên không được thấp hơn 60% so với mức dự trữ được giao. Khi quỹ lương thực dự trữ lưu thông để tại doanh nghiệp không phải huy động để can thiệp thị trường thì doanh nghiệp được chủ động tìm thị trường để tiêu thụ hết số lương thực dự trữ lưu thông của vụ trước, toàn bộ số tiền thu được phải được hạch toán riêng và sử dụng để mua ngay lương thực mới đưa vào quỹ dự trữ lưu thông tại doanh nghiệp. Những doanh nghiệp có tồn kho lương thực thuộc quỹ dự trữ lưu thông sẽ được Nhà nước ưu tiên cho tham gia vào việc xuất khẩu trả nợ bằng lương thực.

Điều 5.- Doanh nghiệp được ngân sách Nhà nước cấp vốn để thực hiện dự trữ lưu thông lương thực phải bảo toàn vốn được cấp theo chế độ bảo toàn vốn lưu động của Bộ Tài chính quy định và không phải nộp khoản thu về sử dụng vốn đối với số vốn dự trữ lưu thông lương thực do ngân sách Nhà nước cấp. Doanh nghiệp được hưởng lợi